

Thành tựu và thách thức bảo đảm quyền văn hóa trong điều kiện phát huy đa dạng văn hóa

Hoàng Văn Nghĩa*

Viện Nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài 10.3.2015, ngày chuyển phản biện 20.3.2015, ngày nhận phản biện 13.5.2015, ngày chấp nhận đăng 22.5.2015

Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp nhà nước mã số KX03.05/11-15 “Bảo đảm quyền văn hóa trong điều kiện phát huy đa dạng văn hóa ở Việt Nam hiện nay”. Trên cơ sở khảo sát, đánh giá về thành tựu và thực trạng của việc tôn trọng, bảo đảm và hiện thực hóa quyền văn hóa ở Việt Nam hiện nay (qua nghiên cứu thực chứng tại một số cơ quan Trung ương và các địa phương đại diện theo vùng văn hóa), bài viết đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, phân tích những thành tựu và thách thức của quyền văn hóa và phát huy đa dạng văn hóa ở Việt Nam hiện nay; đồng thời đưa ra một số phát hiện và luận cứ khoa học cho việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về văn hóa và quyền văn hóa, quyền con người trong bối cảnh đẩy mạnh hội nhập quốc tế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: quyền văn hóa, văn hóa.

Chỉ số phân loại 5.10

Achievements and challenges of ensuring cultural rights in conditions of promoting cultural diversity

Summary

The article is the research result of the KX03.05/11-15 State-levelled research programme entitled “Ensuring cultural rights in conditions of promoting cultural diversity in Vietnam at present”. Based on the empirical study, an assessment of the achievements and current status of respect, guarantee and realization of cultural rights in Vietnam today (through evidence-based research in a number of central agencies and localities representing for cultural areas), the article clarifies the rationale and practice of cultural rights and promoting cultural diversity in Vietnam at present, as well as has analyzed the achievements and challenges in ensuring the rights to culture. Given analyses and empirical studies, the paper points out some findings and new scientific foundations for the development and improvement of policies and laws on culture and cultural rights in the context of further pushing international integration, developing a socialist-oriented market economy and a socialist-oriented law-governed state in Vietnam today.

Keywords: culture, culture rights.

Classification number 5.10

Một số vấn đề lý luận về văn hóa và quyền văn hóa

Con người sáng tạo ra văn hoá, là chủ thể văn hoá, đồng thời cũng là sản phẩm của văn hoá. Văn hoá vừa là khách thể, vừa là chủ thể của con người, vừa là phương tiện và vừa là mục đích của sự phát triển xã hội. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong sự phát triển bền vững, lấy vốn con người làm trung tâm. Thông qua văn hoá, có thể đánh giá được nhân cách của mỗi cá nhân, của mỗi cộng đồng và của cả một dân tộc. Đồng thời thông qua mỗi cá nhân, cộng đồng và dân tộc có thể hiểu được trình độ sáng tạo và hưởng thụ giá trị văn hoá của chính họ. Vì vậy, đảm bảo cho mỗi cá nhân quyền văn hoá, tức là cung cấp cho họ khả năng sáng tạo và hưởng thụ đời sống văn hoá, đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển bền vững xã hội và con người.

Vì là một phạm trù rộng lớn, là một trong những lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội của con người, nên có hàng trăm định nghĩa khác nhau về văn hoá.

*Email: nghia.npa@gmail.com

Tuy nhiên, có một điểm tương đối đồng nhất giữa các cách định nghĩa khác nhau về văn hóa, đó chính là việc xem văn hóa như là một sản phẩm đặc biệt và duy nhất của giới tự nhiên thông qua hoạt động sống của con người. Theo nghĩa rộng, văn hóa là toàn bộ những gì không thuộc về giới tự nhiên - với tính cách là thân thể vô cơ của con người; trái lại nó là toàn bộ những gì do chính con người và chỉ có ở con người, do con người sáng tạo ra. Văn hoá, với ý nghĩa ấy, là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong suốt quá trình lịch sử của chính con người và xã hội loài người. Hiểu một cách phổ quát, văn hóa là một hệ thống các giá trị phản ánh bước tiến, mức độ và trình độ nhân tính hóa và ý thức về tự do, sự sáng tạo và hoàn thiện nhân cách của con người. Ngay từ đầu những năm 40 của thế kỷ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh - danh nhân văn hóa thế giới, nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam đã khẳng định: *“Văn hoá là sự tổng hợp một phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng với những nhu cầu của đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”* [1].

Văn hóa không chỉ là hệ thống các giá trị khẳng định nhân tính và tự do của mỗi cá nhân mà còn xác lập bản sắc của một dân tộc. Theo ý nghĩa đó, một dân tộc sẽ bị “lu mờ”, không là một dân tộc nếu cái bản sắc - nền văn hóa - của nó bị mai một, bị xâm lăng và đồng hóa. Văn hóa đóng vai trò như là ‘gen’ của một cơ thể sống; là bản thể của các dân tộc trong cộng đồng nhân loại. Sự đa dạng của văn hóa là di sản của nhân loại và xã hội loài người. Cũng giống như sự đa dạng của sinh học quyết định đến sự sống còn của thiên nhiên, sự đa dạng văn hóa quyết định đến sự sống còn của loài người nói chung. Tôn trọng và bảo vệ sự đa dạng văn hóa là tôn trọng và bảo vệ chính con người và xã hội loài người. Sự tôn trọng ấy chỉ ra việc thừa nhận và khẳng định các giá trị nền tảng của các cá nhân và nhóm xã hội, bao gồm tự do và các quyền cơ bản của họ. Chính vì vậy, Federico Mayor, nguyên Tổng giám đốc Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO), đã khẳng định, văn hóa *“là một hệ thống các giá trị, truyền thống thẩm mỹ và lối sống mà dựa trên đó từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình”* [2].

Trong phát triển bền vững, tiếp cận văn hoá không thể chỉ được nhìn nhận từ giác độ con người là đối

tượng thụ hưởng sự phát triển, mà còn từ giác độ là chủ thể của quyền, đặc biệt là quyền tiếp cận, thụ hưởng và sáng tạo các giá trị văn hoá (hay quyền văn hoá).

Cùng với vốn con người, vốn văn hoá là giá trị nền tảng của sự phát triển bền vững. Bởi vậy, quyền văn hoá là một trong những dạng thức của việc hiện thực hoá quyền phát triển và là chỉ dấu của phát triển lấy con người làm trung tâm và định hướng vào các giá trị nhân văn của con người và xã hội, đồng thời nó cũng là một thước đo của sự phát triển bền vững. Thực tế cho thấy, việc thiếu quan tâm, chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của tất cả mọi cá nhân, mọi cộng đồng trong quá trình hoạch định chính sách cũng như việc thực thi chính sách, tất yếu sẽ dẫn đến hậu quả phát triển thiếu bền vững như: gia tăng bất bình đẳng xã hội, tàn phá môi trường, sự suy thoái về các giá trị đạo đức và nhân văn... Điều này cho thấy tầm quan trọng đặc biệt của văn hoá và quyền tiếp cận văn hoá đối với sự phát triển bền vững.

Nền kinh tế thị trường luôn có xu hướng đặt lợi nhuận và lợi ích kinh tế lên hàng đầu và quá trình toàn cầu hoá kinh tế đã và đang đặt ra những thách thức đối với việc đảm bảo quyền tiếp cận văn hoá của những cộng đồng người nhất định và các quốc gia đang phát triển. Vấn đề bản quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ và việc thực thi những chính sách bảo hộ ngặt nghèo một mặt là cơ sở để bảo vệ lợi ích kinh tế, thúc đẩy quá trình sáng tạo và sản xuất, nhưng mặt khác nó có những tác động tiêu cực đến mức độ thụ hưởng giá trị văn hoá và thành tựu khoa học kỹ thuật của những quốc gia đang phát triển cũng như những nhóm người có thu nhập thấp, người nghèo và những nhóm dễ bị tổn thương khác.

Quyền văn hoá chỉ ra nghĩa vụ của nhà nước phải đảm bảo quyền này cho mọi cá nhân và các cộng đồng người, đồng thời chỉ ra khả năng có thể tiếp cận được các giá trị và đời sống văn hoá với điều kiện có thể chi trả được hoặc hoàn toàn miễn phí. Tuy nhiên, các sản phẩm văn hoá nói riêng và mọi hoạt động của đời sống văn hoá nói chung không dễ dàng đến được với tất cả mọi người vì những rào cản về thể chế (như khung khổ pháp luật, chính sách) cũng như khả năng thực thi trên thực tế (như điều kiện vật chất cần thiết, trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và thực thi...).

Quyền văn hoá là một quyền cơ bản của con người

được ghi nhận và bảo đảm bằng hệ thống pháp luật quốc tế và quốc gia. Chẳng hạn, trong Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (điều 27) và trong Công ước quốc tế về các quyền kinh tế - xã hội và văn hoá (điều 15). Đặc biệt là Tuyên ngôn thế giới về đa dạng văn hoá (2001) [3] và Công ước về bảo vệ và thúc đẩy sự đa dạng các hình thức văn hoá [4] của UNESCO, Công ước của UNESCO về bảo vệ di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới [5] và Công ước bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể [6], Công ước châu Âu về giá trị của di sản văn hoá đối với xã hội [7]... đều đề cập đến các quyền về tiếp cận văn hoá, nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc phải tăng cường công tác giáo dục và phổ biến các giá trị và di sản văn hoá, bảo đảm quyền được tiếp cận các giá trị này của tất cả mọi người, đặc biệt của những cộng đồng người chịu sự thiệt thòi trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, toàn cầu hoá văn hoá đã và đang diễn ra với quy mô và phạm vi hết sức sâu rộng. Bên cạnh đó, còn có các văn kiện quốc tế ghi nhận quyền về văn hoá của các cộng đồng người nhất định mà khả năng tiếp cận văn hoá của họ dường như bị bỏ quên trong quá trình phát triển của lịch sử quốc gia, dân tộc và lịch sử xã hội loài người, chẳng hạn Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về bảo vệ những nhóm thiểu số về ngôn ngữ, tôn giáo, sắc tộc và dân tộc [8] cũng như Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về quyền của các dân tộc bản địa...

Văn hóa, quyền con người và quyền văn hóa là những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết trong quá trình hội nhập và phát triển, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Đảng và Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm, chú trọng đến văn hóa, bảo tồn và phát huy đa dạng văn hóa và bảo đảm các quyền con người (bao gồm quyền văn hóa).

Trên phương diện chính sách và pháp luật

Việt Nam là một quốc gia tham gia tích cực và thực thi tương đối đầy đủ các Công ước quốc tế về quyền con người, bao gồm Công ước quốc tế về quyền kinh tế - xã hội và văn hoá¹. Các quy định quốc tế về quyền

¹Cho đến nay, Việt Nam đã gia nhập hơn 10 công ước quốc tế, bao gồm Công ước quốc tế về quyền dân sự - chính trị, Công ước về quyền kinh tế - xã hội và văn hoá, Công ước quyền trẻ em, Công ước xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, Công ước quyền của người khuyết tật, Công ước xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc, Công ước xoá bỏ và trừng trị tội Apartheid, Công ước không hạn chế các luật định đối với tội phạm chiến tranh và chống nhân loại...

con người đã được luật hoá vào trong hệ thống pháp luật Việt Nam, được thông qua các chính sách, chương trình quốc gia và bảo đảm trong thực tiễn. Vì vậy, ngay tại điều đầu tiên (Điều 14, khoản 2) của Chương quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*” [9].

Việt Nam là một thành viên tích cực của hầu hết các công ước quốc tế cơ bản về quyền con người², đặc biệt là Công ước trực tiếp liên quan đến quyền văn hóa, đó là Công ước quốc tế về các quyền kinh tế - xã hội và văn hóa (được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1966 và Việt Nam gia nhập năm 1982). Cùng với việc là thành viên tích cực và có trách nhiệm, tận tâm của các Công ước quốc tế về quyền con người, Việt Nam còn tham gia hoặc phê chuẩn các công ước quốc tế và điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương liên quan đến quyền văn hóa và lĩnh vực văn hóa, như: Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa (của UNESCO); Công ước Berne về bảo vệ các tác phẩm văn học nghệ thuật; Công ước Geneva năm 1971 về bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm, chống việc sao chép trái phép bản ghi âm; Công ước Rome về bảo hộ quyền của người biểu diễn, người sản xuất băng ghi âm, tổ chức phát sóng; Công ước Brussels năm 1974 về bảo vệ quyền của các tổ chức phát sóng đối với tín hiệu mang chương trình đã được mã hóa truyền qua vệ tinh; Hiệp định Trips về sở hữu trí tuệ, trong đó có quy định về quyền tác giả và quyền liên quan...

Những nội dung chủ yếu về quyền văn hóa và phát huy đa dạng văn hóa cũng đã được đề cập đến trong Hiến pháp và thể chế hóa tương đối đầy đủ trong hệ thống pháp luật, bao gồm: Bộ luật Dân sự (1995), Bộ luật Lao động, Bộ luật Hình sự (1999), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự (2009), Luật Di

²Việt Nam đã ký, phê chuẩn hoặc gia nhập 7/9 công ước quốc tế cơ bản của Liên hợp quốc về quyền con người, bao gồm: Công ước quốc tế về các quyền dân sự - chính trị và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế - xã hội và văn hóa năm 1966; Công ước quốc tế về quyền trẻ em, Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, Công ước về chống tra tấn (CAT), Công ước về quyền của người khuyết tật (CRPWD), Công ước về chống phân biệt chủng tộc...

sản văn hoá (2001), Luật Điện ảnh (2006), Luật Xuất bản (2004), Luật Khoa học và công nghệ (2013)... đã cụ thể hoá những nguyên tắc hiến định về quyền văn hoá. Nhà nước cũng đã thông qua rất nhiều các chính sách và chương trình quốc gia nhằm thúc đẩy hoạt động sáng tạo và thụ hưởng các giá trị văn hoá.

Hiến pháp năm 2013 đã lần đầu tiên hiến định quyền thụ hưởng các giá trị văn hóa tại Điều 41: “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa”. Đồng thời Hiến pháp 2013 cũng tái khẳng định quyền “sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó” (Điều 40) và “quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp” (Điều 42). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thể chế hóa quyền văn hóa trong hệ thống pháp luật và chính sách của Việt Nam.

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn đặc biệt quan tâm đến chiến lược phát triển con người, xây dựng nền văn hóa mới và bảo đảm đầy đủ các quyền con người cho tất cả mọi người; quan tâm đến quyền và lợi ích của con người, chăm lo phát triển đời sống văn hóa và bảo tồn, phát huy đa dạng văn hóa. Đó cũng là mục tiêu và động lực của phát triển, của con đường đi lên CNXH. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã tái khẳng định chiến lược của Đảng ta trong các văn kiện Đại hội Đảng trước, đó là: “*Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hoá gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Phát triển, nâng cao chất lượng sáng tạo văn học, nghệ thuật; khẳng định và biểu dương các giá trị chân, thiện, mỹ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém, đấu tranh chống những biểu hiện phản văn hoá. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo*

của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng đồng bộ, hiện đại, thông tin chân thực, đa dạng, kịp thời, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [10].

Gần 3 thập kỷ sau *đổi mới*, nhiều bộ luật, luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đã được Nhà nước ban hành, góp phần quan trọng vào quá trình bảo đảm và thúc đẩy các quyền con người nói chung và quyền văn hóa nói riêng cho tất cả mọi người. Tuy nhiên, hệ thống chính sách và pháp luật về văn hóa cũng như quyền con người còn chưa đồng bộ và hoàn thiện, có nhiều văn bản pháp luật chồng chéo, nội dung mơ hồ, khó thực thi hay đã bị thực tiễn cuộc sống vượt qua.

Trên phương diện thực tiễn

Thành tựu gần 30 năm *đổi mới* đã không ngừng nâng cao mức độ thụ hưởng các quyền văn hóa và thúc đẩy sự đa dạng văn hóa. “*Tư duy lý luận về văn hóa có bước phát triển; nhận thức về văn hóa của các cấp, các ngành và toàn dân được nâng lên. Đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng; công nghệ thông tin, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển mạnh mẽ. Nhiều phong trào, hoạt động văn hóa đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực; phát huy được truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng... Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng được mở rộng, góp phần đáng kể vào việc xây dựng các thiết chế văn hóa. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo; nhiều phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số được nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân được quan tâm. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường, thể chế văn hóa từng bước được hoàn thiện. Đội ngũ làm công tác văn hóa, văn nghệ có bước trưởng thành; quyền tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ được tôn trọng. Giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hóa có nhiều khởi sắc*” [11].

Nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa trong những năm qua cũng đạt nhiều kết quả to lớn. Cho đến nay, Việt Nam có tới 18 di sản được UNESCO vinh danh là di sản thế giới (7 di sản văn hóa và thiên

nhiên là vật thể, 8 di sản văn hóa phi vật thể, 3 di sản tư liệu), 48 di tích, danh thắng được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, hơn 40.000 di tích đã được kiểm kê, trên 10.000 di tích được xếp hạng (tính đến quý II năm 2014 có 3.018 di tích đã được xếp hạng di tích quốc gia và 5.347 di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh...). Điều này phản ánh rõ nét đặc trưng đa dạng văn hóa của Việt Nam. Nhiều di tích được chống xuống cấp, tu bổ, tôn tạo. Hệ thống bảo tàng bước đầu đã có những đổi mới, xuất hiện các bảo tàng ngoài công lập và bộ sưu tập tư nhân. Công việc sưu tầm, lưu giữ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể đạt nhiều kết quả tốt. Hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa đã góp phần quan trọng vào việc giáo dục truyền thống yêu nước, thúc đẩy phát triển du lịch, góp phần cải thiện đời sống nhân dân vùng có di sản, tạo nguồn thu lớn phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Trong những năm qua, Việt Nam đã tổ chức dịch và công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng nội dung các công ước quốc tế về nhân quyền nói chung và về quyền văn hóa nói riêng mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia; từng bước đưa vào chương trình dạy học ở các trường phổ thông, lồng ghép vào một số môn học chuyên sâu trong các trường đại học có đào tạo chuyên ngành luật; tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, triển khai các khóa, lớp tập huấn về nhân quyền nói chung, về quyền văn hóa nói riêng, bước đầu đem lại nhận thức chung của xã hội trong việc bảo vệ và đấu tranh trong lĩnh vực nhân quyền, trong đó có các quyền về văn hóa.

Có thể khẳng định, việc trao quyền và thụ hưởng quyền cho người dân đã mang lại hiệu quả thiết thực trong thực hiện quyền văn hóa. Thành tựu tiếp cận, thụ hưởng và sáng tạo các giá trị văn hóa ngày càng được nâng cao rõ rệt. Hàng năm, cả nước có tới 11.000 lễ hội đã góp phần không nhỏ vào việc đáp ứng nhu cầu tham gia các hoạt động sinh hoạt văn hóa của nhân dân. Những hình thức câu lạc bộ phong phú ở cơ sở, từ hát Then của đồng bào Mông Tây Bắc, hát Xoan, Quan họ, Chèo của đồng bào Bắc Bộ, hát Ví dặm, Nhã nhạc Cung đình của miền Trung cho đến hát Đờn ca tài tử ở vùng Nam Bộ đã mở rộng không gian văn hóa và tăng cường sự tham gia trực tiếp của người dân vào quá trình thụ hưởng và sáng tạo các giá trị văn hóa.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng cho thấy, bên cạnh

những thành tựu, về chính sách - pháp luật và thực tiễn bảo đảm, việc thực hiện quyền văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và phát triển nền kinh tế thị trường luôn đặt ra những thách thức lớn cho việc tôn trọng, bảo đảm và thực hiện đầy đủ các quyền con người nói chung, quyền văn hóa nói riêng cho tất cả mọi cá nhân và nhóm xã hội. Thực tiễn cho thấy, việc tiếp cận, thụ hưởng và sáng tạo ra các giá trị văn hóa của một bộ phận không nhỏ người dân và nhóm xã hội còn nhiều hạn chế và thách thức, đó là những nhóm dễ bị tổn thương (phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người nghèo và người thu nhập thấp...).

Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về văn hóa và quyền văn hóa

Về mặt lý luận và thực tiễn

Thứ nhất, văn hóa tiếp cận từ góc độ quyền con người (quyền văn hóa), hệ thống pháp luật và chính sách về văn hóa và quyền văn hóa còn chưa tương thích, đồng bộ và hài hòa với những quan điểm, chủ trương, chính sách lớn của Đảng, cũng như tinh thần của Hiến pháp 2013. Văn hóa thường vẫn chủ yếu được tiếp cận từ góc độ chính sách, hơn là khía cạnh quyền văn hóa.

Thứ hai, nhận thức về văn hóa từ góc độ quyền con người về văn hóa (quyền văn hóa) còn rất hạn chế trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói riêng và người dân nói chung, nhất là ở nông thôn, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến việc thụ hưởng các quyền văn hóa cũng như tới quá trình phát huy và bảo tồn các giá trị văn hóa ở nước ta hiện nay. Đặc biệt, có sự chênh lệch nhất định về trình độ nhận thức quyền văn hóa, cũng như mức độ tiếp cận, thụ hưởng và bảo đảm về quyền văn hóa giữa các vùng miền, các nhóm xã hội và cộng đồng.

Thứ ba, năng lực thực thi, giám sát các chính sách, pháp luật về văn hóa, quản lý văn hóa nói chung và chính sách, pháp luật về quyền con người, quyền văn hóa của các cấp, các ngành còn nhiều bất cập, chưa hiệu quả, đặc biệt là ở cấp cơ sở. Những nghiên cứu thực chứng đã chỉ ra cho thấy sự yếu kém của một bộ phận cán bộ, công chức làm công tác quản lý văn hóa và giám sát việc thực thi.

Thứ tư, các thiết chế văn hóa, cơ chế quản lý, giám sát việc thực thi chính sách văn hóa, quyền văn hóa còn chưa đồng bộ và chưa đưng nhiều bất cập. Đó là: chưa có những cơ chế, chế tài xử phạt nghiêm minh và hiệu quả đối với những hành vi thiếu trách nhiệm dẫn tới hậu quả xâm phạm và vi phạm các di sản văn hóa cũng như việc thụ hưởng các giá trị văn hóa và quyền văn hóa.

Thứ năm, cơ chế phối, kết hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác quản lý văn hóa, thực thi và giám sát quyền văn hóa, giữa trung ương và địa phương, giữa sự tham gia của người dân, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội với chính quyền,... còn chưa hiệu quả và thiết thực, chưa đồng đều giữa các vùng, miền, các địa phương.

Thứ sáu, có một khoảng cách chênh lệch nhất định về mức độ tiếp cận, thụ hưởng và sáng tạo các giá trị văn hóa và quyền văn hóa, giữa các vùng, miền, địa phương khác nhau trên cả nước. Chẳng hạn, nhìn chung mức độ tiếp cận, thụ hưởng và sáng tạo các giá trị văn hóa, thực hiện quyền văn hóa của đồng bào vùng Bắc Bộ và Nam Bộ thường đạt mức độ cao hơn ở vùng Tây Bắc, miền Trung và Tây Nguyên; ở thành thị cao hơn ở nông thôn; nông thôn cao hơn miền núi...

Thứ bảy, điều kiện kinh tế - xã hội là một nhân tố có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện chính sách văn hóa và thụ hưởng quyền văn hóa. Quá trình thực hiện quyền văn hóa trong điều kiện phát huy đa dạng văn hóa tùy thuộc vào mức độ đầu tư tài chính và nguồn lực tương đối. Ở những địa phương có điều kiện kinh tế phát triển và đầu tư ngân sách thích đáng, đời sống văn hóa và các hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng thường cao hơn ở những nơi có điều kiện kém hơn.

Luận cứ khoa học cho việc xây dựng và hoàn thiện chính sách

Thứ nhất, quyền văn hóa là một quyền con người cơ bản. Vì vậy, các chính sách văn hóa phải hướng đến việc trao quyền, thụ hưởng quyền con người trên lĩnh vực văn hóa cho mọi cá nhân, cộng đồng và nhóm xã hội. Về lý luận, quyền văn hóa một mặt khẳng định các quyền về văn hóa (tiếp cận, tham gia, thụ hưởng và sáng tạo các giá trị văn hóa) mà mỗi cá nhân được hưởng; mặt khác chỉ ra trách nhiệm pháp lý của các chủ thể nghĩa vụ, đặc biệt là nhà nước, phải tôn trọng,

bảo đảm và thực hiện đầy đủ theo hiến pháp, pháp luật cũng như những cam kết quốc tế.

Thứ hai, các chính sách văn hóa và việc thực thi, giám sát chính sách văn hóa chỉ thực sự hiệu quả và thúc đẩy, bảo vệ và phát huy được các giá trị văn hóa nếu chúng được xây dựng, thực thi và giám sát từ góc độ tiếp cận dựa trên quyền con người (xem chủ thể thụ hưởng và sáng tạo ra các giá trị văn hóa đó là các cá nhân, nhóm, cộng đồng, dân tộc, từ góc độ quyền con người).

Thứ ba, xã hội hóa công tác quản lý văn hóa, sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nhất là ở cơ sở, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền văn hóa, bảo tồn và phát huy sự đa dạng văn hóa. Vì vậy, cần chú trọng đến việc trao quyền và sự tham gia rộng rãi của mọi tầng lớp nhân dân vào quá trình giám sát thực thi chính sách, pháp luật về quyền văn hóa, đặc biệt là chú trọng tới các nhóm dễ bị tổn thương (phụ nữ, trẻ em, người nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật,...); tăng cường sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội ở cơ sở; đẩy mạnh việc xã hội hoá hoạt động quản lý văn hoá (như lễ hội, cơ sở văn hóa, di tích lịch sử, thiên nhiên...).

Thứ tư, khuôn mẫu văn hóa có ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự nhận thức và thực hiện quyền con người nói chung và quyền văn hóa nói riêng. Tuy nhiên, khuôn mẫu văn hóa biến đổi cùng với quá trình giáo dục thay đổi hành vi và nhận thức, từ đó cải thiện việc tôn trọng, bảo đảm trong thực tiễn về văn hóa, quyền văn hóa và quyền con người đóng vai trò quyết định đối với công tác quản lý văn hóa, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa. Vì vậy, giáo dục về quyền và quyền văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện và thụ hưởng quyền văn hóa.

Thứ năm, tăng cường năng lực hoạch định, thực thi và giám sát chính sách, pháp luật về văn hóa nói chung, quyền văn hóa và quyền con người nói riêng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, đặc biệt là ở cơ sở.

Thứ sáu, các yếu tố về chính trị, pháp luật và kinh tế (nhất là thể chế và thiết chế chính trị - pháp luật) ảnh hưởng lớn đến việc hình thành các cơ chế, tính hiệu quả của việc bảo đảm quyền văn hóa và bảo tồn, phát

huy các giá trị văn hóa. Nghiên cứu thực chứng tại Hàn Quốc cũng như ở một số nước trong khu vực ASEAN cho thấy, vai trò quan trọng của nhà nước pháp quyền, phong trào xã hội và xã hội dân sự với việc bảo đảm quyền văn hóa.

Thứ bảy, bảo đảm quyền văn hóa không thể tách rời việc bảo đảm các quyền con người cơ bản nói chung, với công bằng xã hội; hài hòa hóa giữa tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập, đời sống vật chất với phát triển xã hội bền vững, công bằng xã hội và chăm lo tới đời sống tinh thần của xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hồ Chí Minh toàn tập (2009), Tập 3 (1930-1945), Nxb Chính trị quốc gia, tr.431.
- [2] Nguyễn Trần Bạt (2014), “Khái niệm và bản chất của văn hóa”, Sách Văn hóa và Con người, http://chungta.com/Desktop.aspx/ChungTa-SuyNgam/Van-Hoa/Khai_niem_ban_chat_cua_van_hoa.
- [3] UNESCO (2001), Universal Declaration on Cultural Diversity, adopted on 20 November 2001, see www.unesco.org, legal instruments.
- [4] UNESCO (2005), Convention on the Protection and Promotion of the Diversity of Cultural Expressions, adopted on 20 October 2005 and entry into force on 18 March 2007, see www.unesco.org, legal instruments.
- [5] UNESCO (1972), Convention on the Protection of the World Cultural and Natural Heritage, adopted on 16 November 1972 and entry into force on 17 December 1975, see www.unesco.org, legal instruments.
- [6] UNESCO (2003), Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage, adopted on 27 October 2003, entry into force 20 April 2006, see www.unesco.org, legal instruments.
- [7] Council of Europe treaty series, no. 199, Framework Convention on the Value of Cultural Heritage for Society, Faro, 27 October 2005, not yet in force (7 ratifications, 10 needed), see <http://conventions.coe.int/Treaty/EN/Treaties/Html/199.htm>.
- [8] European Commission (2009), *The Platforms of Access to Culture*, www.efaaef.eu/en/activities/european-house-for-culture/ (accessed 10.09.2009).
- [9] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013*, xem cơ sở dữ liệu luật (law database) tại: <http://www.vietlaw.gov.vn/LAWNET/>.
- [10] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb Chính trị quốc gia.
- [11] Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.